

MÔI TRƯỜNG VỚI XUNG ĐỘT VÀ HỢP TÁC TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hoàng Khắc Nam*

Dẫn luận

Sự xuống cấp môi trường đã tồn tại từ lâu. Vấn đề này được tích góp qua hàng thế kỷ và nổi lên cùng với những phát triển vô tiền khoáng hậu của con người. Không ai có thể sống ngoài môi trường. Mọi sự phát triển đều dựa vào môi trường. Vì thế, sự xuống cấp của môi trường đang đe dọa tới cả lợi ích tồn tại và phát triển của nhân loại.

Môi trường là một hệ thống mang tính chỉnh thể. Giữa các bộ phận của môi trường có sự tương tác chặt chẽ với nhau. Bởi thế, sự tổn hại của bộ phận này đang gây phản ứng dây chuyền sang các bộ phận khác và làm tăng mức độ suy thoái của môi trường chung. Thế giới gồm nhiều quốc gia riêng rẽ, nhưng môi trường chỉ có một và không biên giới. Bản chất chung nhất của môi trường khiến cho sự xuống cấp môi trường không còn là vấn đề quốc gia mà đã trở thành vấn đề toàn cầu.

Là vấn đề toàn cầu, sự xuống cấp môi trường đang hiện diện ngày càng nhiều trong quan hệ giữa các quốc gia. Điều này làm cho môi trường ngày càng trở thành vấn đề đáng quan tâm trong

* Phó Giáo sư Tiến sỹ, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

quan hệ quốc tế. Giữa môi trường và quan hệ quốc tế ngày càng có sự đan quyện và tương tác chặt chẽ với nhau.

Sự liên quan giữa môi trường và quan hệ quốc tế không phải là hiện tượng mới. Chính sự phát triển quan hệ quốc tế, nhất là quan hệ kinh tế quốc tế, đã đưa việc khai thác môi trường ra khắp thế giới, biến sự tàn phá môi trường trở thành vấn đề toàn cầu.

Quan hệ quốc tế càng phát triển, sự xuống cấp môi trường của các quốc gia càng dễ tác động đến nhau. Quan hệ quốc tế càng phát triển, hệ thống quốc tế càng mở rộng thì sự xuống cấp của môi trường càng trở thành mối đe dọa chung của các quốc gia. Quan hệ quốc tế càng phát triển, ý thức và cơ hội phối hợp để giải quyết vấn đề này càng tăng lên. Chính những điểm này đã khiến việc giải quyết vấn đề môi trường hiện nay ngày càng phụ thuộc vào quan hệ quốc tế thế giới.

Ngược lại, sự nổi lên vấn đề môi trường với tư cách là vấn đề toàn cầu cũng tác động không nhỏ lên quan hệ quốc tế. Quan hệ quốc tế thế giới thêm một vấn đề quan trọng trong chương trình nghị sự; thế giới có thêm điều kiện để thống nhất hơn; toàn cầu hoá có thêm một cơ sở; nhân loại có thêm những giá trị và chuẩn mực chung; hệ thống quốc tế có thêm yếu tố định hướng... Ngoài ra, vấn đề môi trường cũng tác động mạnh đến nhiều cơ sở quan trọng của quan hệ quốc tế hiện đại. Đó là sự gắn bó ngày càng tăng giữa môi trường với quyền lực chính trị, sự gia tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, môi trường trở thành lợi ích quốc gia, sự xuất hiện vấn đề an ninh phi truyền thống, xu hướng xói mòn chủ quyền quốc gia, sự nổi lên của các chủ thể phi quốc gia...

Trong mối tương tác này, sự nổi lên của vấn đề môi trường cũng đang tác động ngày càng mạnh mẽ tới hai tính chất cơ bản của quan hệ quốc tế – xung đột và hợp tác. Có thể đây chính là tác động có ý nghĩa nhất của vấn đề môi trường đối với quan hệ quốc tế hiện nay. Vậy tác động này diễn ra như thế nào?

1. Tác động của môi trường tới xung đột quốc tế

Tác động của môi trường tới xung đột quốc tế được biểu hiện trên hai phương diện chính: Môi trường là đối tượng tranh chấp trong các xung đột quốc tế và sự xuống cấp môi trường đang góp phần làm tăng khả năng xung đột trong quan hệ quốc tế.

Trong 5 thành phần của môi trường, **đất đai** là đối tượng tranh chấp nhiều nhất giữa các quốc gia. Trong lịch sử, đất đai là nguồn tranh chấp lâu dài nhất, phổ biến nhất. Cuộc xung đột vì đất đai cũng dai dẳng và khốc liệt nhất. Con người và quốc gia tranh giành đất đai vì giá trị tài nguyên, vì không gian sống của con người. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong toàn bộ thời kỳ trước nền văn minh công nghiệp.

Ngoài ra, chiến tranh giành giật đất đai diễn ra thường xuyên trong lịch sử còn vì quan niệm của con người về sự tỷ lệ thuận giữa diện tích đất đai với quyền lực và thịnh vượng. Đây là biểu hiện về sự gắn kết giữa môi trường với quyền lực quốc tế. Cuộc cạnh tranh quyền lực quốc tế thường có sự gắn bó ít nhiều với việc mở rộng không gian sinh sống và hạn chế phạm vi ảnh hưởng của đối thủ. Một nhận thức đặc biệt nguy hiểm về mối quan hệ này là Thuyết Định mệnh Quốc gia với đại biểu nổi tiếng là học giả Đức Friedrich Ratzel (1844 - 1904). Ratzel cho rằng quốc gia cũng như một thực thể hữu cơ và sống trong sự cạnh tranh với quốc gia khác để sinh tồn. Vì thế, quốc gia luôn phải chiến đấu không ngừng để chiếm lấy đất sống. Đây là lý do cho sự bành trướng của quốc gia. Ratzel cho rằng diện tích đất đai là biểu hiện rõ nhất quyền lực của một quốc gia. Qua cuộc đấu tranh này, cũng như sự đào thải tự nhiên, chỉ có quốc gia mạnh mới tồn tại, các quốc gia nhỏ sẽ biến mất. Các cường quốc còn lại sẽ lại tiếp tục đấu tranh với nhau để giành ngôi bá chủ thế giới. Lý luận của Ratzel về tính hữu cơ của quốc gia và vai trò của đất đai đã được Đức Quốc xã sử dụng để biện minh cho sự bành trướng của mình là vì “không gian sinh tồn” và chiến tranh xâm lược là theo quy luật tự nhiên.¹

¹ Lewis M. Alexander, *Mô thức chính trị thế giới* (Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam dịch và xuất bản), Sài Gòn, 1963, tr.7-8.

Ngay cả khi đất đai được phân chia thành lãnh thổ quốc gia, tranh chấp đất đai vẫn tiếp tục xảy ra giữa các bộ phận dân cư trong quốc gia, cũng như giữa các quốc gia với nhau. Đất đai giờ đây không chỉ là không gian sống hay tài nguyên mà còn mang trong mình giá trị thiêng liêng đối với quốc gia, dân tộc. Trong thời hiện đại, sự tranh chấp đất đai/lãnh thổ vẫn là hiện tượng phổ biến trong quan hệ quốc tế. Tranh chấp lãnh thổ vẫn tiếp tục là nguồn của xung đột – một loại hình xung đột rất khó giải quyết.

Một yếu tố môi trường khác cũng là nguyên nhân của nhiều xung đột trong lịch sử và hiện tại. Đó là tranh chấp *nguồn nước*. Trên thế giới có 214 con sông có lưu vực đồng thời nằm trên lãnh thổ của nhiều quốc gia. Có gần 50 nước có 3/4 lãnh thổ nằm trong lưu vực của các con sông chảy xuyên quốc gia.¹ Khoảng 40% dân số thế giới sinh sống ở vùng lưu vực các con sông chảy qua 2 hay nhiều nước.² Vì thế, tranh chấp về việc phân chia và sử dụng nguồn nước của các con sông quốc tế thường hay xảy ra. Thêm vào đó, nhu cầu ngày một lớn đối với tài nguyên môi trường này càng làm tăng nguy cơ xung đột trong việc quản lý và khai thác nguồn nước chung. Tình trạng xuống cấp của môi trường là một lý do khác liên quan đến nguy cơ xung đột. Dân số tăng nhanh, nguồn nước hạn chế, tình trạng ô nhiễm nước tăng đang tạo nên tình trạng thiếu nước hoặc làm giảm khả năng tiếp cận tới nguồn nước sạch. Sự thiếu thốn kích thích sự tranh giành. Tất cả những điều trên khiến cho vấn đề nước trở thành một nguồn của xung đột.

Tình trạng bất ổn kéo dài ở Trung Đông và Bắc Phi có một nguyên nhân là cuộc tranh chấp nguồn nước kéo dài trong lịch sử giữa các quốc gia trong vùng. Israel và các nước Arab tranh chấp với nhau về con sông Jordan. Cuộc tranh chấp về nguồn nước

¹ *River, Britanica 1999.*

² Conway Henderson, *International Relations: Conflict and Cooperation at the Turn of the 21st Century*, McGraw Hill, Singapore, 1997, (Bản dịch của Khoa Quốc tế học), tập 2, tr.126.

1965 - 1966 là một nguyên nhân gây căng thẳng và góp phần dẫn đến chiến tranh Israel - Arab năm 1967. Mâu thuẫn giữa Palestine và Israel cũng sâu sắc thêm bởi Israel đã bom và sử dụng nước ngầm gấp năm lần so với người Palestine cùng sống trong vùng đất khô cằn như vậy.¹ Hay một loạt ví dụ khác, tranh chấp giữa Sudan và Ai Cập về sông Nil, Mali và Senegan tranh nhau con sông Senegan, tranh chấp nguồn nước giữa Mali và Burkina Faso, giữa Hungary và Slovakia... Sự tranh chấp này còn liên quan đến việc sử dụng nước giữa quốc gia đầu nguồn và hạ nguồn. Sự tranh chấp giữa Thổ Nhĩ Kỳ - Syria - Iraq về khai thác sông Euphrates và Tigris là ví dụ điển hình.² Ví dụ tương tự cũng có thể tìm thấy trong trường hợp khai thác sông Mekong.

Đại dương là một đối tượng tranh chấp có nguy cơ tăng lên trong quan hệ quốc tế. Ban đầu, sự tranh giành đại dương với tư cách là nguồn của xung đột quốc tế chủ yếu liên quan đến quan niệm về sự tương tác giữa đại dương và quyền lực quốc tế. Trong thế kỷ XVIII - XX, quan điểm về mối liên quan giữa đại dương và quyền lực quốc tế cũng rất phổ biến. Nước Nga dưới thời Pie Đại đế đã trở thành cường quốc châu Âu khi tiến ra được biển Baltic và Hắc Hải. Nước Anh trở thành cường quốc số 1 trong thế kỷ XIX nhờ có hạm đội hùng mạnh và kiểm soát được đại dương. Nước Mỹ trên con đường trở thành cường quốc đã vận dụng luận thuyết của Alfred Thayer Mahan (1840 - 1914). Xuất phát từ thực tế nước Anh mạnh lên nhờ hàng hải, Mahan cho rằng quốc gia cần phát triển hàng hải để kiểm soát được đại dương và có được quyền lực quốc tế. Mahan đã đưa ra nhiều khuyến nghị quan

¹ Conway Henderson, sđd, tr.126.

² Việc Thổ Nhĩ Kỳ triển khai dự án Đại Anatolia xây dựng một nhà máy thủy điện lớn và các đập chắn trên sông Euphrates để tưới tiêu đã gây thiếu nước cho Syria và Iraq. Người ta tính rằng dự án này làm giảm 40% nguồn nước sông cho Syria và 90% cho Iraq. [Viện Khoa học Công an, *Đánh giá chiến lược các điểm nóng và cơ cấu lực lượng thế giới*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1996, tr.575].

trọng cho nước Mỹ.¹ Quan điểm như vậy đã dẫn đến cuộc chạy đua hải quân và cạnh tranh quyền kiểm soát mặt biển cả trong quá khứ lẫn hiện tại. Ngay việc Liên Xô đưa quân vào Afghanistan năm 1978 cũng được coi là ý đồ tiến xuống vùng biển ấm ở Ấn Độ Dương và sự kiện này đã khơi mào cho sự trở lại đối đầu giữa hai phe 1979 - 1985.

Nhu cầu an ninh và phát triển đã khiến lợi ích quốc gia ngày càng được mở rộng ra bên ngoài biên giới quốc gia. Quan hệ đối ngoại của quốc gia ngày càng tiến ra đại dương và xung đột liên quan đến đại dương cũng vì thế mà tăng lên. Bên cạnh đó, sự xuống cấp môi trường cũng đang góp thêm cho vai trò là nguồn xung đột của đại dương. Do nguy cơ cạn kiệt tài nguyên trên đất liền, do hệ sinh thái ven bờ bị suy giảm, các quốc gia ngày càng tiến ra xa đại dương để khai thác tài nguyên biển và đáy biển. Vì thế, các tranh chấp liên quan đến hải phận và tài nguyên biển cũng tăng lên trong quan hệ quốc tế. Mặc dù lãnh hải rồi vùng đặc quyền kinh tế trên biển đã dần được xác định nhưng tranh chấp không vì thế mà giảm đi. Tình trạng tranh chấp hải phận giữa các quốc gia vẫn phổ biến trên thế giới, vấn đề xâm phạm quyền lợi kinh tế giữa ngư dân các nước không còn là chuyện hiếm. Sự tranh giành lãnh hải và quyền khai thác biển ngày càng trở thành vấn đề lớn trong quan hệ quốc tế dù đã có Luật Biển quốc tế năm 1982. Nguy cơ xung đột đặc biệt cao ở những vùng biển có tiềm năng dầu mỏ. Nhiều vấn đề chưa được giải quyết như xác định đường cơ sở, thềm lục địa, vùng chồng lấn, quyền khai thác vùng biển quốc tế, nhu cầu đối với tài nguyên biển, vấn đề khai thác dầu mỏ ngoài khơi... đang tiếp tục nuôi dưỡng khả năng xung đột này.

¹ Alfred Thayer Mahan đã đưa ra nhiều khuyến nghị quan trọng cho chính sách đối ngoại của Mỹ như: Mỹ phải phát triển hàng hải và kiểm soát được mặt biển thì mới có thể trở thành cường quốc thế giới, chiếm đảo Hawaii, đào kênh ở Trung Mỹ để đi lại dễ dàng giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương...

Sự xuống cấp của môi trường góp phần làm tăng thêm khả năng xung đột trong quan hệ quốc tế. Trong đó, *nguy cơ cạn kiệt tài nguyên*, đặc biệt là năng lượng, có thể là nguyên nhân quan trọng dẫn đến xung đột trong tương lai. Khi nguy cơ cạn kiệt chưa xảy ra, chỉ sự phân bố tài nguyên không đều cũng đã dẫn đến vô vàn cuộc xung đột. Khi tài nguyên trở nên khan hiếm, sự cạnh tranh sẽ tăng lên, xung đột sẽ xảy ra nhiều hơn và thậm chí là trên quy mô toàn cầu. Một số người theo chủ nghĩa tương lai đã chỉ ra rằng “sự đổ vỡ của môi trường tới giữa thế kỷ XXI sẽ dẫn đến các cấp độ xung đột ác mộng”.¹

Trên thực tế, chẳng cần phải chờ đến tương lai mà nhiều cuộc chiến tranh trong quá khứ và xung đột trong hiện tại đã cho thấy điều này. Có thể không phải là nguyên nhân cơ bản như người Nhật giải thích, song rõ ràng sự khan hiếm tài nguyên chiến lược và dầu mỏ là động cơ quan trọng của Nhật khi tiến hành Chiến tranh Thái Bình Dương trong Thế chiến II. Sự tranh chấp ở quần đảo Trường Sa trở nên gay gắt hơn kể từ khi phát hiện ra dầu mỏ tại khu vực này. Nhiều người đã cho rằng dầu mỏ chính là mục tiêu lớn nhất của Trung Quốc ở đây, nhất là khi nhu cầu năng lượng của nước này ngày càng tăng. Tương tự như vậy, các cố gắng duy trì ảnh hưởng của Mỹ ở vùng Vịnh và Trung Đông đều có mùi khét của dầu mỏ. Thomas Homer-Dixon đã nhận xét rằng các quốc gia sẵn sàng chiến đấu để giành những tài nguyên không tái tạo được hơn là tài nguyên tái tạo được² bởi tính thiết yếu và trữ lượng có hạn của các nguồn tài nguyên này. Nếu nhận xét của Thomas Homer-Dixon có lý thì nguy cơ xung đột là tiềm tàng khi phần lớn tài nguyên môi trường hiện nay đều trong tình trạng không tái tạo được do tốc độ khai thác đã vượt quá nhiều so với khả năng tái tạo của tự nhiên.

¹ Conway Henderson, sđd, tr.126.

² Conway Henderson, sđd, tr.126.

Sự xuống cấp của môi trường đã làm sâu sắc thêm *mâu thuẫn Bắc - Nam*. Những tranh cãi về môi trường giữa hai nhóm nước này đã tăng lên cùng với sự nổi lên của vấn đề môi trường. Cả hai nhóm nước đều quy lỗi cho nhau và đòi nhóm kia phải chịu trách nhiệm. Các nước phương Bắc phê phán các nước phương Nam về việc khai thác bừa bãi tài nguyên, gây ra sự huỷ hoại môi trường nghiêm trọng. Các nước phương Nam chỉ trích phương Bắc về các hoạt động công nghiệp gây ô nhiễm, sự nóng lên của Trái đất và chủ nghĩa tiêu dùng thái quá của họ. Các nước phương Nam không thể ngừng khai thác tài nguyên bởi đó là lợi thế so sánh của họ và bị bức bách phải thu hẹp khoảng cách phát triển. Các nước phương Bắc cũng không thể ngừng phát triển công nghiệp bởi yêu cầu ngày càng nâng cao tiêu chuẩn sống và sự ngừng lại cũng có nghĩa là sụp đổ. Các nước phương Bắc nêu lên quyền can thiệp về sinh thái;¹ những nước phương Nam tố cáo chủ nghĩa thực dân sinh thái của các nước công nghiệp phương Bắc. Cả hai theo đuổi những chiến lược riêng rẽ và cùng làm tổn hại tới môi trường trong khi vẫn tiếp tục chỉ trích lẫn nhau. Mâu thuẫn Bắc-Nam vì thế mà tiếp tục trở nên sâu sắc cùng với sự xuống cấp của môi trường. Xuất phát điểm khác nhau, nhận thức khác nhau, lợi ích khác nhau, chi phí cho việc bảo vệ môi trường khác nhau... đã làm sâu sắc thêm sự bất đồng này. Tình trạng xuống cấp của môi trường đang đóng góp cho sự chia rẽ Bắc - Nam – sự chia rẽ có thể là lớn nhất trong quan hệ quốc tế thế kỷ XXI

Ngoài việc là đối tượng của tranh chấp, sự suy thoái môi trường cũng là nguyên nhân gián tiếp của những hình thức xung đột quốc tế khác. Ví dụ, tình trạng đất đai bạc màu, nguồn nước ô nhiễm và hệ sinh vật bị giảm sút thường là một nguyên nhân của tình trạng đói nghèo và hiện tượng di cư ở một số nơi trên thế giới. Nếu đói nghèo đang là nguyên nhân chính cho mâu thuẫn Bắc - Nam thì

¹ Ví dụ, Hội nghị Hague về Môi trường năm 1989 đã đề cập đến quyền can thiệp về sinh thái.

hiện tượng di cư dễ gây ra xung đột giữa quốc gia xuất cư và quốc gia nhập cư, giữa cư dân bản địa với cư dân nhập cư...

Những vấn đề nêu trên cho thấy, môi trường rõ ràng là nguồn của xung đột, sự xuống cấp của môi trường là thách thức không nhỏ đối với quan hệ quốc tế và tương lai của nhân loại. Tuy nhiên, bức tranh này không hoàn toàn đáng bi quan. Bên cạnh xung đột, vấn đề môi trường cũng đang góp phần thúc đẩy hợp tác trong quan hệ quốc tế.

2. Tác động của môi trường tới hợp tác quốc tế

Tác động của môi trường tới hợp tác quốc tế được biểu hiện trên 2 phương diện chính: Sự xuống cấp của môi trường đang góp phần vừa làm tăng động lực, vừa tạo thêm điều kiện cho thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Bản chất của môi trường chính là cơ sở khách quan của yêu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Môi trường là một và không thể chia cắt. Bởi tính hệ thống chỉnh thể của môi trường, sự tổn hại môi trường ở quốc gia này cũng gây ảnh hưởng sang quốc gia khác nên vấn đề môi trường ngày càng không còn là vấn đề riêng. Khi nguy cơ môi trường đang đe dọa cả thế giới, con người càng ý thức sâu sắc hơn về vận mệnh chung của nhân loại. Tính chung nhất của vấn đề môi trường đòi hỏi các quốc gia phải hợp tác đồng bộ và rộng khắp thì mới có thể giải quyết được. Mà phối hợp đồng bộ và rộng khắp chỉ có thể có được trên cơ sở hợp tác giữa các quốc gia. Bản chất của môi trường đã dẫn đến nhận thức về vận mệnh chung và trở thành động lực cho sự tăng cường hợp tác quốc tế.

Hợp tác quốc tế là con đường không thể thiếu để ngăn chặn nguy cơ xuống cấp môi trường đang đe dọa nhân loại. Hợp tác để cùng đối phó với những đe dọa chung là phản ứng tự nhiên của xã hội. Các quốc gia ngày càng nhận thức được rằng không thể chia nhỏ môi trường sinh học thành các "tài sản" sở hữu quốc gia.

Các quốc gia không thể hành xử chỉ vì những lợi ích quốc gia riêng mà không tính đến cái chung trong vấn đề môi trường toàn cầu. Các quốc gia không thể tự mình đơn độc ngăn chặn sự xuống cấp của môi trường nếu không có sự phối hợp của cộng đồng quốc tế. Cho đến nay, môi trường đã được coi là lợi ích quốc gia và hợp tác quốc tế được coi là phương thức thiết yếu để giải quyết vấn đề đó. Môi trường trở thành một phần không thể thiếu trong chương trình nghị sự toàn cầu. Vấn đề môi trường trở thành một động lực cho hợp tác quốc tế hiện nay là vì vậy.

Sự nổi lên của vấn đề môi trường đang đóng góp đáng kể trong việc tạo điều kiện cho xu hướng tăng cường hợp tác trong quan hệ quốc tế hiện nay. Nó giúp *phổ biến ý thức về những giá trị chung của nhân loại*. Thứ nhất, Trái đất là ngôi nhà chung, môi trường là của chung và đó là không gian sống duy nhất của nhân loại. Thế giới quan này đang giúp con người trở nên gần gũi với nhau hơn. Thế giới quan này cũng tạo điều kiện cho hợp tác khi đặt ra cho con người những chuẩn mực chung trong ứng xử đối với môi trường. Thứ hai, trong mối tương tác và sự phụ thuộc vào môi trường, con người ngày càng có ý thức rằng nhân loại là một trước môi trường, rằng sự hoà hợp giữa con người sẽ giúp đem lại sự hoà hợp với tự nhiên. Nhân sinh quan này đang đưa con người vượt khỏi khuôn khổ và giá trị quốc gia - dân tộc. Lời tuyên bố “Đất nước của chúng ta, đó là hành tinh này” của Hội nghị Hague về Môi trường năm 1989 chính là tuyên ngôn cho ý tưởng đó. Thứ ba, vấn đề môi trường cũng đặt ra trước con người những mục tiêu chung. Mục tiêu chung có tác dụng đưa các quan hệ riêng rẽ vào cùng một hướng chung, làm nên tính hướng đích của cả hệ thống.

Sự phổ biến các giá trị chung đang tạo điều kiện cho sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia, sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc. Các giá trị chung này đang góp phần tác động thuận lợi cho cơ sở chủ quan của hợp tác quốc tế. Thực tế hiện nay cũng cho thấy, các quốc gia dễ dàng đồng ý với nhau về các giá trị chung

trong vấn đề môi trường hơn nhiều lĩnh vực khác. Các công ước, hiệp định quốc tế đạt được trong lĩnh vực này có từ đầu thế kỷ XIX và lên tới hơn 170 trước cuối thế kỷ XX.¹ Chúng ta cũng đang chứng kiến sự chia sẻ các giá trị chung về môi trường qua các hội nghị toàn cầu trong lĩnh vực này. Ví dụ, Hội nghị về Môi trường của Liên hợp quốc năm 1972 tại Stockholm, Hội nghị của Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển tại Rio de Janeiro năm 1992, Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững tại Johannesburg năm 2002... Đó là chưa kể đến hàng loạt hội nghị quốc tế chuyên môn bàn về những vấn đề cụ thể trong từng lĩnh vực. Hội nghị chuyên môn là nơi người ta muốn chia sẻ với nhau những kiến thức khoa học về môi trường, những vấn đề kỹ thuật trong xử lý, thoả thuận về những mục tiêu hợp tác cụ thể và thực tiễn hoá các mục tiêu chung.

Môi trường đang *làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau* giữa các quốc gia. *Thứ nhất*, việc cùng phụ thuộc vào một môi trường chung khiến các quốc gia phải hợp tác với nhau. Không một quốc gia nào phát triển được mà chỉ dựa vào mỗi môi trường quốc gia. Quốc gia ngày càng có nhiều lợi ích liên quan đến môi trường bên ngoài biên giới và buộc phải hướng ngoại nhiều hơn. Điều này làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước trong quá trình phát triển của mình. *Thứ hai*, nguy cơ môi trường khiến số phận của chúng gắn bó với nhau nhiều hơn. Các quốc gia buộc phải hợp tác với nhau để cùng đối phó bởi nhiều nguyên nhân môi trường xuất phát từ bên ngoài. Không chỉ có vậy, các quốc gia cũng đang phải chịu áp lực ngày càng tăng từ bên ngoài trong những vấn đề liên quan đến môi trường. *Thứ ba*, sự phụ thuộc này tăng lên bởi nhận thức về tính chung của môi trường và nhân loại như trên đã đề cập. Con người có thể nhất trí với nhau về sự phụ thuộc lẫn nhau trong vấn đề môi trường dễ dàng hơn nhiều lĩnh vực khác. *Thứ tư*, việc ngày càng xuất hiện nhiều chủ thể phi quốc

¹ Conway Henderson, sđd, tr.150.

gia trong lĩnh vực môi trường đã làm quan hệ quốc tế trở nên giằng chéo, đan xen chặt chẽ với nhau. Và vì thế, đối tượng liên quan, kênh quan hệ và mức độ tương tác giữa các chủ thể cũng tăng lên, tạo thành một hệ thống đa diện, đa tầng. Kết quả là sự phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng cũng phức tạp và sâu sắc hơn. *Thứ năm*, bởi sự tương tác chặt chẽ giữa kinh tế và chính trị với môi trường, sự phụ thuộc lẫn nhau trong nền chính trị - kinh tế quốc tế đang góp phần làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau trong vấn đề môi trường. Ngược lại, bởi các khía cạnh chính trị và kinh tế của môi trường, vấn đề môi trường cũng đang góp phần làm sâu sắc thêm sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia về chính trị và kinh tế.

Trong sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng, con đường tương tác thích hợp nhất giữa các quốc gia chính là hợp tác. Hợp tác trong sự phụ thuộc lẫn nhau đem lại khả năng đồng bộ và hiệu quả trong việc khai thác cũng như đối phó với hiểm họa môi trường. Và hợp tác trong lĩnh vực môi trường sẽ thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác, tạo bầu không khí thuận lợi cho xu hướng hợp tác quốc tế nói chung.

Bên cạnh đó, sự nổi lên của vấn đề môi trường còn đem lại thêm một số điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác quốc tế. Đầu tiên, đó là cơ hội cho sự *bình đẳng hơn trong quan hệ quốc tế* – điều kiện quan trọng để duy trì hợp tác. Quốc gia dù lớn dù nhỏ thì đều là những phần của môi trường thế giới. Giải quyết vấn đề môi trường không thể bỏ qua bất kỳ quốc gia nào. Điều đó có nghĩa là quốc gia nào cũng có quyền lợi và nghĩa vụ đối với môi trường. Quốc gia nào cũng có vai trò và vị trí nhất định trong nỗ lực chung này. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong lĩnh vực môi trường không bất tương xứng quá nhiều như trong kinh tế và chính trị. Trên thực tế, trong lĩnh vực môi trường, các nước nhỏ cũng có tiếng nói đáng kể hơn so với lĩnh vực chính trị và kinh tế quốc tế.

Hơn nữa, khi môi trường đang ngày càng trở thành nghĩa vụ quốc gia và trách nhiệm quốc tế, khía cạnh môi trường đang đem thêm tính hợp pháp trong các nỗ lực của các nước nhỏ giải quyết mâu thuẫn Bắc - Nam. Không ít trường hợp các nước này đã thành công trong quan hệ với nước lớn. Trong Chiến tranh Lạnh, khi cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân giữa các cường quốc bắt đầu trở nên quyết liệt, yêu cầu ngăn chặn tác hại phóng xạ cho môi trường của các nước Thế giới thứ ba đã góp phần đáng kể dẫn đến Hiệp định về kiểm soát vũ khí hạt nhân đầu tiên năm 1963 – Hiệp ước cấm thử hạn chế (*Limited Test Ban Treaty*) với nội dung cấm thử vũ khí hạt nhân trong khí quyển. Tại Hội nghị Rio de Janeiro năm 1992, các nước đang phát triển đã giành được những thoả hiệp từ phía các nước công nghiệp phát triển trong vấn đề khai thác rừng... Và hiện nay, sự trợ giúp của các nước giàu cho các nước nghèo trong vấn đề môi trường đang tăng lên đáng kể cả về quy mô lẫn hình thức.

Môi trường cũng đem lại điều kiện thuận lợi cho hợp tác khi làm tăng cơ hội sử dụng ***công cụ ngoại giao*** hơn là bạo lực. Tính chung nhất và không thể chia sẻ của môi trường làm cho việc giải quyết vấn đề này chỉ có thể trên cơ sở hợp tác. Xung đột và bạo lực dễ làm tăng thêm sự chia rẽ, lòng hận thù và làm giảm cơ hội giải quyết vấn đề môi trường. Ngoại giao chính là công cụ thích hợp để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Với mục tiêu đi tìm điểm chung, ngoại giao là phương tiện thích hợp nhất để đạt được sự nhất trí giữa các quốc gia. Ngoại giao là cách thức duy nhất có thể huy động mọi quốc gia dân tộc tham gia vào vấn đề môi trường. Ngoại giao cũng là công cụ mà các quốc gia dễ chấp nhận hơn so với nhiều công cụ quan hệ quốc tế khác. Ngoài ra, vai trò của ngoại giao cũng cần thiết cho môi trường khi nó giúp duy trì hoà bình và ổn định như điều kiện cần thiết để giải quyết vấn đề môi trường.

Như vậy, vấn đề môi trường làm tăng cơ hội sử dụng ngoại giao trong quan hệ quốc tế. Đến lượt mình, việc sử dụng phổ biến

công cụ ngoại giao lại giúp tạo bầu không khí thuận lợi và làm tăng cơ hội hợp tác. Ngoại giao đang đem lại nỗ lực hợp tác từ song phương tới đa phương, từ khu vực tới toàn cầu trước nguy cơ xuống cấp của môi trường. Sự xuất hiện nền ngoại giao xanh là một minh chứng cho điều này với ví dụ điển hình là Kế hoạch Địa Trung Hải. Đó là sự hợp tác về môi trường giữa các nước có chế độ chính trị, văn hoá và trình độ phát triển kinh tế khác nhau như Pháp và Italy là những nước phát triển với nền dân chủ kiểu phương Tây, Algeria và Ai Cập là những nước đang phát triển với nền văn hoá Hồi giáo, còn Albania là một nước nhỏ với những khác biệt nhất định về chế độ chính trị.

Cuối cùng, môi trường đang giúp thúc đẩy và duy trì hợp tác quốc tế thông qua việc hình thành những **thiết chế quốc tế** trong lĩnh vực này. Các thiết chế này đang góp phần tạo ra khuôn khổ, mục tiêu, nguyên tắc cho sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường. Các thiết chế này còn là nơi điều hoà tranh chấp và giải quyết bất đồng, nơi tập trung ý chí hợp tác chính trị quốc gia, nơi phối hợp khả năng khoa học và kinh tế của các nước trong công cuộc bảo vệ môi trường thế giới. Ngoài ra, sự tồn tại và phát triển của các thiết chế này cũng đang góp phần nâng cao nhận thức chung, hình thành giá trị chung và giúp nâng cao năng lực của các quốc gia trong vấn đề môi trường. Đây thực sự là một đóng góp có ý nghĩa vào việc thúc đẩy hợp tác quốc tế nói chung.

Các thiết chế quốc tế đang được phổ biến và tích cực thúc đẩy hợp tác trên mọi cấp độ. Đó là các tổ chức quốc tế từ liên chính phủ tới phi chính phủ, từ cấp độ song phương tới khu vực và toàn cầu, từ các tổ chức chuyên môn tới các tổ chức có chức năng chung... Ví dụ như các tổ chức Hoà bình Xanh, Hiệp hội quốc tế về đánh giá tác động (IAIA), Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên (WWF), Hiệp hội quốc tế về bảo tồn thiên nhiên (IUCN), Ủy ban liên chính phủ về sự biến đổi khí hậu (IPCC), Ủy ban liên chính phủ về Đại dương (IOC),... Đó là sự hình thành hệ thống luật pháp quốc tế trong lĩnh vực môi trường thông qua hai quá trình: từ luật pháp

quốc gia đi ra thành luật pháp quốc tế, từ các công ước quốc tế đi vào thành luật pháp quốc gia. Ví dụ : Công ước Washington năm 1973, Công ước Marpol năm 1973, Công ước Bonn năm 1979, Công ước Vienna năm 1985, Định ước Montreal năm 1987, Công ước Espoo năm 1991, Công ước khung về thay đổi khí hậu năm 1992, Công ước về đa dạng sinh học năm 1992, Công ước về hoang mạc hoá năm 1994...

Sự hình thành và phát triển của những thiết chế này đang tạo nền tảng cho sự phối hợp bảo vệ môi trường trên quy mô toàn cầu. Vấn đề “chính phủ chung toàn thế giới” hoặc “sự quản trị toàn cầu” cũng được quan tâm nhiều hơn nhằm tạo cơ chế cho sự phối hợp toàn cầu trong vấn đề môi trường. Trong khi không có được một thể chế như vậy, Liên hợp quốc dường như đang đóng vai trò đầu mối lớn nhất thông qua các tổ chức môi trường trong hệ thống của mình như Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP), Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED), Ủy ban về Phát triển bền vững (CSD) và Ủy ban Liên cơ quan về phát triển bền vững (IACSD). Đồng thời, Liên hợp quốc còn tiến hành thúc đẩy sự phối hợp toàn cầu thông qua việc bảo trợ cho các hội nghị cấp cao toàn thế giới về môi trường.

3. Kết luận

Tất cả những điều trên cho thấy, vấn đề môi trường không chỉ là động lực thúc đẩy hợp tác quốc tế mà còn đem lại những điều kiện thuận lợi cho xu hướng này trong quan hệ quốc tế. Sự nổi lên của vấn đề môi trường đã tác động tới quan hệ quốc tế theo cả hai cách: tạo thêm nguồn cho xung đột và góp phần thúc đẩy hợp tác. Hai mặt của một vấn đề này cùng tồn tại và chế ước lẫn nhau. Tuy nhiên, do bản chất chung nhất của môi trường, xu hướng hợp tác đang tỏ ra chiếm ưu thế hơn. Sự ưu thế này được phản ánh trong nhận thức chung, trong hành động của các quốc gia, trong sự phát triển các cơ chế hợp tác trên mọi cấp độ, và được sự cổ vũ bởi xu thế hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác. Mặc dù vẫn còn nhiều

trắc trở nhưng những gì đã và đang làm được cho thấy, xu hướng này vẫn sẽ tiếp tục trong tương lai. Đã không ít người hi vọng xu hướng này sẽ tạo cơ sở cho sự quản trị toàn cầu.

Nhưng có lẽ nhận định này là hơi lạc quan bởi vẫn còn quá nhiều khó khăn đang tồn tại. Thực vậy, sự giằng co giữa hai xu hướng hợp tác và xung đột vẫn đang tiếp tục. Sự chia rẽ và tính đa dạng của thế giới tiếp tục nuôi dưỡng vai trò của môi trường như nguồn của xung đột. Tầm nhìn hạn hẹp, cái nhìn cục bộ và chủ nghĩa vị kỷ quốc gia vẫn còn khá lớn cũng là những yếu tố đóng góp thêm cho tình trạng này. Bản thân xu hướng hợp tác cũng chứa đựng khá nhiều khó khăn. Lợi ích và sự đánh giá khác nhau dẫn đến ý chí hợp tác vẫn khác nhau. Vấn đề môi trường không giống nhau dẫn đến ưu tiên hợp tác môi trường không giống nhau. Khả năng hợp tác khác nhau dẫn đến bất đồng ngay trong cách thức hợp tác. Sự vướng mắc trong bài toán môi trường - phát triển vẫn là khó khăn rất lớn trong chính sách hợp tác quốc tế về môi trường. Bất bình đẳng tiếp tục trong các mô hình hợp tác làm giảm sự dẫn thân vào nỗ lực chung. Nhận thức môi trường chưa phổ biến rộng rãi trong công chúng nên chưa tạo được sự huy động xã hội mạnh mẽ cho hợp tác quốc tế. Bởi thế, hợp tác tăng lên nhưng hiệu quả chưa được như mong muốn. “Mặc dù đã tồn tại các chế độ môi trường khác nhau, những lời lẽ hùng biện về quản lý môi trường còn lâu mới đem lại những hành động hiệu quả và có sức nặng hơn.”¹ Việc giải quyết vấn đề này vẫn còn gặp những trở ngại từ phía con người và tiếp tục phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các quốc gia.

Mặc dù vậy, sự nổi lên của xu hướng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường vẫn đang ngày càng có sức sống và hoà mình vào xu thế hợp tác chung của thế giới. Sự nổi lên của hợp tác quốc tế về môi trường đang góp phần làm thay đổi quan hệ quốc tế thế

¹ Joseph S. Nye, Jr and William A. Owens, *America's Information Edge*, Foreign Affairs 3-4/1996, p. 20-36.

giới. Đây là một nét mới trong quan hệ quốc tế hiện đại. Và điều này đem thêm niềm tin cho chúng ta về khả năng giải quyết vấn đề môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt:

Ban Khoa giáo Trung ương, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm nghiên cứu giáo dục môi trường và phát triển, *Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, *Các công ước quốc tế về môi trường*, Cục Môi trường, Hà Nội, 1997.

Conway Henderson, *International Relations: Conflict and Cooperation at the Turn of the 21st Century*, McGraw Hill, Singapore (bản dịch của Khoa Quốc tế học), Hà Nội, 1997.

Nguyễn Trường Giang, *Môi trường và Luật quốc tế về môi trường*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

Lewis M. Alexander, *Mô thức chính trị thế giới*, Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam dịch và xuất bản, Sài Gòn, 1963.

Viện Khoa học Công an, *Đánh giá chiến lược các điểm nóng và cơ cấu lực lượng thế giới*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 1996.

Tài liệu tiếng nước ngoài:

Bjorn Hettne & Bertil Odén, *Global Governance in the 21st Century: Alternative Perspectives on World Order*, EGDI, Stockholm, 2002.

Britanica 1999.

David Hunter, *Global Environmental Protection in the 21st Century*,
<http://foreignpolicy.inforucus.org/>.

Gregory D. Forster, *A New Security Paradigm*, *World Watch*, Jan/Feb 2005.

Joseph S. Nye, Jr and William A. Owens, *America's Information Edge*,
Foreign Affairs 3-4/1996, p. 20-36.

Noelle Eckley Selin (2005), *Mercury Rising: Is global action needed to protect human health and the environment?*, *Environment* Jan-Feb 2005.

Robert N. Stavins, *Forging A More Effective Global Climate Treaty*,
Environment, Volume 46, No 10, December, 2004, p. 22-30.

UNEP, *Global Environment Outlook*, Earthscan Publications, London, 2000.

